

Số : 4180/QĐ-UBND

Phú Quốc, ngày 09 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố, công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu – chi ngân sách
thành phố năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân thành phố Phú Quốc về điều chỉnh dự toán thu – chi ngân sách thành phố năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 4097/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc về việc điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách thành phố năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số 259/TTr-PTCKH ngày 09 tháng 9 năm 2021 về việc công bố, công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách thành phố năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách thành phố năm 2021 (Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./. *ĐHK*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Thành ủy;
- Lãnh đạo HĐND-UBND thành phố;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố;
- Tòa án nhân dân thành phố;
- Cơ quan các đoàn thể thành phố;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP, đ/c Hưng;
- Lưu: VT *VT*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Quang Hưng



PHỤ LỤC 1 ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN THU TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2021	DỰ TOÁN THU ĐIỀU CHỈNH NĂM 2021	SO SÁNH	
				SỐ TUYỆT ĐỐI	TỶ LỆ (%)
1	2	3	4	5	6=4/3*100
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO	3.400.000	5.100.000	1.700.000	150
B	SỐ DO CỤC THUẾ THU		1.700.000	1.700.000	
C	SỐ PHÂN CẤP HUYỆN THU	3.400.000	3.400.000	-	100
D	SỐ THU NỘI ĐỊA ĐÃ TRỪ TIỀN ĐẤT (A - 9 -10)	1.286.000	1.286.000	-	100
	Thu từ DNNN và DN có vốn ĐTNN	93.000	93.000	-	100
1	Thu từ DNNN Trung ương	60.000	60.000	-	100
2	Thu từ DNNN Địa phương	10.000	10.000	-	100
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	23.000	23.000	-	100
4	Thu thuế CTN - NQD	570.000	570.000	-	
4.1	- Thuế giá trị gia tăng	490.000	490.000	-	100
4.2	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	75.000	75.000	-	100
4.3	- Thuế tiêu thu đặc biệt	4.000	4.000	-	100
4.4	- Thuế tài nguyên	1.000	1.000	-	100
4.5	- Thuế môn bài	-	-	-	-
4.6	- Thu khác ngoài quốc doanh	-	-	-	-
5	Lệ phí trước bạ	90.000	90.000	-	100
6	Thuế bảo vệ môi trường	190.000	190.000	-	100
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	500	500	-	100
8	Thuế thu nhập cá nhân	175.000	175.000	-	100
9	Thu tiền sử dụng đất	774.000	774.000	-	100
	Trong đó: ghi thu ghi chi				
10	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	1.340.000	1.340.000	-	100
	Trong đó: ghi thu ghi chi				
11	Thu phí và lệ phí	20.000	20.000	-	100
12	Thu khác	147.500	147.500	-	100
13	Thu Đóng góp	-	-	-	-



PHỤ LỤC 2 ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 4180/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN CHI 2021	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2021	SỐ SÁNH	
				SỐ TUYỆT ĐỐI	TỶ LỆ (%)
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CHI	2.576.096.089.938	3.132.651.381.219	556.555.291.281	122%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (I+ II+...+VI)	2.576.096.089.938	3.129.704.588.452	553.608.498.514	121%
I	Chi đầu tư phát triển	1.527.390.000.000	2.001.028.595.619	473.638.595.619	131%
1	Chi XDCB vốn tỉnh phân cấp (vốn Trung ương + vốn tỉnh)	-	228.529.000.000	228.529.000.000	
2	Chi XDCB vốn huyện	1.527.390.000.000	1.527.390.000.000	-	100%
3	Nguồn vốn được phép kéo dài từ năm 2020 sang năm 2021		245.109.595.619	245.109.595.619	
II	Chi thường xuyên (1+2+...+13)	819.192.040.165	882.733.298.353	63.541.258.188	108%
1	Chi Sự nghiệp kinh tế	352.388.244.564	397.281.474.746	44.893.230.182	113%
2	SN Khoa học công nghệ:	-			
3	Chi trợ giá, trợ cước	10.000.000.000	10.000.000.000	-	100%
4	Chi Sự nghiệp môi trường, du lịch	160.833.730.396	149.920.578.245	(10.913.152.151)	93%
5	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	181.007.127.894	197.073.348.321	16.066.220.427	109%
6	Chi SN y tế, dân số và gia đình	47.999.306.822	48.599.130.331	599.823.509	101%
7	Chi SN văn hóa thông tin	6.628.996.688	6.861.393.968	232.397.280	104%
8	Chi SN thể dục thể thao	384.161.250	444.161.250	60.000.000	116%
9	Chi SN phát thanh, truyền hình	921.987.000	921.987.000	-	100%
10	Chi SN Đảm bảo Xã hội	1.429.316.000	2.959.758.017	1.530.442.017	207%
11	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	43.959.169.551	49.864.942.795	5.905.773.244	113%
12	Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội	3.640.000.000	8.744.060.800	5.104.060.800	240%
13	Chi khác	10.000.000.000	10.062.462.880	62.462.880	101%
III	Chi thực hiện cải cách tiền lương	162.363.049.773	167.336.485.780	4.973.436.007	103%
IV	Chi khen thưởng	2.000.000.000	2.000.000.000	-	100%
V	Chi dự phòng:	10.151.000.000	10.151.000.000	-	100%
VI	Chi trợ cấp NS xã	55.000.000.000	66.455.208.700	11.455.208.700	121%
B	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		2.946.792.767	2.946.792.767	
C	CHI TỪ NGUỒN TĂNG THU		-		
D	CHI QUẢN LÝ QUẢN NGÂN SÁCH				
E	CHI CHUYỂN NGUỒN				